TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2020/QĐST-HNGĐ	*Dầu Tiếng, ngày 17 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình*:

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1980; hộ khẩu thường trú: Số A, tổ B, ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Bình Dương.

3. Ông Trần Thanh M, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Số A, tổ B, ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Trần Thị T và ông Trần Thanh M thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong việc hôn nhân và gia đình.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của bà Trần Thị T và ông Trần Thanh M được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày Trung tâm Hòa giải - Đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương lập Biên bản hòa giải đoàn tụ

không thành, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trần Thanh M thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 28/10/2002; Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 31/8/2006; Trần Phương V, sinh ngày 25/10/2015. Ông Trần Thanh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Trần Thị Tuyết M, sinh ngày 31/8/2006; Trần Phương V, sinh ngày 25/10/2015 mỗi tháng 1.500.000 đồng (750.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng vào ngày 25 tây hàng tháng, bắt đầu từ tháng 4 năm 2020. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị T không yêu cầu ông Trần Thanh M cấp dưỡng nuôi con Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 28/10/2002.

Kể từ ngày bà Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Thanh M không cấp dưỡng nuôi con đúng thời hạn, thì hàng tháng ông M còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032532 ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã D (GCNKH số 13, quyển số 02 ngày 19/3/2002);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Phan Xuân Nam